

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 2 NĂM 2010

Mẫu số : B02a-DN

Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 2 Năm 2010	Lũy kế từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.21	144,855,163,205	262,603,845,932
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.22	144,855,163,205	262,603,845,932
4	Giá vốn hàng bán	11	V.23	137,002,065,746	225,633,042,558
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,853,097,459	36,970,803,374
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.24	1,195,058,504	1,333,310,864
7	Chi phí tài chính	22	V.25	2,132,685,709	3,509,128,545
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,132,685,709	3,509,128,545
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,690,290,983	7,550,375,868
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,225,179,271	27,244,609,825
11	Thu nhập khác	31	V.26	102,624,909,972	102,701,059,215
12	Chi phí khác	32	V.27	60,028,679,746	60,028,679,746
13	Lợi nhuận khác	40		42,596,230,226	42,672,379,469
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45,821,409,497	69,916,989,294
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.28	11,455,352,374	13,877,966,652
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	3,667,846,921
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,366,057,123	52,371,175,721
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		954.61	1,671.42

TP. HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Khánh Tâm



Trần Thị Thanh Bình



Trần Kim Minh